

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN NHÀ BÈ  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự Do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 200/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 06-7-2020

V/v ly hôn giữa ông H và bà N.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NHÀ BÈ, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đoàn Thị Ngọc Diệp

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Quốc Xuân

2. Bà Trần Thị Bích Liên

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Lê Chí Đông – Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh :** Bà Dương Thị Thùy Linh- Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 06 tháng 7 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 584/2019/TLST-DS ngày 16 tháng 12 năm 2019 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 100/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 6 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Lương Thị Ngọc N**, sinh năm: 1991

Địa chỉ: Số X, Thị trấn Nhà Bè, huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh. (Có mặt)

Bị đơn: Ông **Nguyễn Hận H**, sinh năm: 1989

Địa chỉ: Số Y, xã Phú Xuân, huyện Nhà Bè, Thành phố Chí Minh.

(Vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện đề ngày 04/12/2019 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn là bà Lương Thị Ngọc N trình bày:*

Bà Lương Thị Ngọc N và ông Nguyễn Hận H có đăng ký kết hôn năm 1988 theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn A quyền số 01/2012 do Ủy ban nhân dân xã Phú Xuân, huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 11/4/2012.

Thời gian chung sống vợ chồng không hạnh phúc do bất đồng quan điểm, do ông H không lo làm ăn, thường xuyên nhậu nhẹt, không quan tâm đến vợ con, vợ chồng thường xuyên cãi vã nhau, cả hai đã cố gắng hàn gắn nhưng vẫn không hòa hợp, không có tiếng nói chung, mục đích hôn nhân không đạt được, cả hai đã ly thân, nay bà Lương Thị Ngọc N yêu cầu ly hôn ông Nguyễn Hận H để ổn định cuộc sống.

- Về con chung: Có 01 con chung là trẻ Nguyễn H L, sinh ngày 29/5/2014, khi ly hôn yêu cầu được trực tiếp nuôi con, không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con chung..

- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có.

Bị đơn ông Nguyễn Hận H vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án, mặc dù Tòa án đã tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án; giấy triệu tập; thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; quyết định đưa vụ án ra xét xử và quyết định hoãn phiên tòa cho ông H nhưng ông H vẫn vắng mặt không lý do.

Ngoài ra tại phiên toà nguyên đơn vẫn giữ nguyên ý kiến đã trình bày, không có thỏa thuận gì khác để giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nhà Bè phát biểu quan điểm: Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm: Phiên tòa được mở đúng thời gian, địa điểm, Hội đồng xét xử đúng thành phần. Người tham gia tố tụng thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình được quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà. Tòa án nhân dân huyện Nhà Bè nhận định:

[1] Xác định tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn A quyền số 01/2012 do Ủy ban nhân dân xã Phú Xuân, huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 11/4/2012 thì quan hệ hôn nhân giữa bà Lương Thị Ngọc N và ông Nguyễn Hận H là hợp pháp. Bà Lương Thị Ngọc N xin ly hôn ông Nguyễn Hận H. Đây là tranh chấp hôn nhân gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

Theo kết quả xác minh từ Công an xã Phú Xuân, huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh ngày 04/3/2020 thì ông Nguyễn Hận H, sinh năm: 1989 có hộ khẩu thường trú Y, xã Phú Xuân, huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh và thực tế cư trú tại địa chỉ trên, do đó vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về thủ tục tố tụng:

Bị đơn là ông Nguyễn Hận H mặc dù đã được Tòa án nhân dân huyện Nhà Bè tổng đạt hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử và quyết định hoãn phiên tòa nhưng bị đơn vẫn vắng mặt không rõ lý do nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn ông Nguyễn Hận H theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Xét yêu cầu của đương sự:

Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa bà Lương Thị Ngọc N và ông Nguyễn Hận H là hôn nhân hợp pháp. Sau một thời gian chung sống vợ chồng phát sinh

mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, do ông H không lo làm ăn, thường xuyên nhậu nhẹt, không quan tâm đến vợ con, vợ chồng thường xuyên cãi vã nhau, cả hai đã cố gắng hàn gắn nhưng vẫn không hòa hợp, không có tiếng nói chung, mục đích hôn nhân không đạt được, cả hai đã ly thân. Hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài.

Theo Kết quả xác minh của Hội phụ nữ xã Phú Xuân, huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh thì trong quá trình chung có mâu thuẫn tình cảm gia đình tự giải quyết không qua hội phụ nữ vận động, hòa giải.

Xét, trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, ông H đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ tất cả văn bản tố tụng để tham gia hòa giải, hàn gắn gia đình với bà N cũng như đưa ra ý kiến hay yêu cầu của mình, tuy nhiên ông H vẫn vắng mặt không lý do. Như vậy, có đủ cơ sở xác định mâu thuẫn vợ chồng giữa ông H và bà N là hoàn toàn có thật, ông H không quan tâm đến tình trạng hôn nhân của gia đình và khả năng hàn gắn không còn, đời sống hôn nhân đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó căn cứ Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận đơn xin ly hôn của bà Lương Thị Ngọc N đối với ông Nguyễn Hận H

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là trẻ Nguyễn H L, sinh ngày 29/5/2014. Hiện nay trẻ L đang do bà N chăm sóc, nuôi dưỡng, trẻ phát triển tốt. Do đó yêu cầu được tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng trẻ L của bà N khi ly hôn là có căn cứ và được chấp nhận.

Về chia tài sản chung: Bà N khai không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Về nợ chung: Bà N xác nhận không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm, buộc nguyên đơn là bà Lương Thị Ngọc N phải chịu theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 70, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 266, Điều 271, Điều 273, Điều 278, Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 48 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án ngày 30 tháng 12 năm 2016;

Tuyên xử:

Về hình thức: Xét xử vắng mặt bị đơn ông Nguyễn Hận H.

Về nội dung:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn

Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Lương Thị Ngọc N và ông Nguyễn Hận H.

Về con chung: Giao trẻ Nguyễn H L, sinh ngày 29/5/2014 cho bà Lương Thị Ngọc N được trực tiếp nuôi dưỡng. Ông Nguyễn Hận H không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Bà Lương Thị Ngọc N có trách nhiệm tạo điều kiện thuận lợi khi ông Nguyễn Hận H đến thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung. Ông H có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở ông thực hiện quyền này. Vì quyền lợi của con khi cần thiết, theo yêu cầu của cha mẹ, cơ quan, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi mức cấp dưỡng hoặc thay đổi người trực tiếp nuôi con, hạn chế quyền thăm nom, chăm sóc con của người không trực tiếp nuôi con.

Về tài sản chung: Tòa án không xem xét, giải quyết.

Về nợ chung: Bà N khai không có.

## 2. Án phí:

Bà Lương Thị Ngọc N phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm ly hôn, được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng bà Lương Thị Ngọc N đã nộp theo biên lai số 0034713 ngày 16/12/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nhà Bè.

## 3. Về quyền kháng cáo:

Bà Lương Thị Ngọc N có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Ông Nguyễn Hận H được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

### Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND TP.HCM;
- VKSND huyện Nhà Bè;
- CCTHADS huyện Nhà Bè;
- UBND xã Phú Xuân, huyện Nhà Bè, Tp Hồ Chí Minh;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN NHÀ BÈ  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**Đoàn Thị Ngọc Diệp  
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**BIÊN BẢN NGHỊ ÁN**

Vào H 10 giờ 00 ngày 06 tháng 7 năm 2020

Tại Phòng xử án TAND huyện Nhà Bè

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán, chủ tọa phiên tòa: Bà Đoàn Thị Ngọc Diệp

Hội thẩm nhân dân : 1. Ông Nguyễn Quốc Xuân

2. Bà Trần Thị Bích Liên

Tiến hành nghị án vụ án hôn nhân gia đình sơ thẩm thụ lý số: 584/2019/TLST-DS ngày 16 tháng 12 năm 2019 về việc “Ly hôn” giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Lương Thị Ngọc N**, sinh năm: 1991

Địa chỉ: Số 23/39/20 Dương Cát Lợi, KP4, Thị trấn Nhà Bè, huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh. (Có mặt)

Bị đơn: Ông **Nguyễn Hận H**, sinh năm: 1989

Địa chỉ: Số 69/6 ấp 6, xã Phú Xuân, huyện Nhà Bè, Thành phố Chí Minh.

(Vắng mặt)

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh luận tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 70, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 266, Điều 271, Điều 273, Điều 278, Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 48 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án ngày 30 tháng 12 năm 2016;

### **HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU:**

Tuyên xử:

Về hình thức: Xét xử vắng mặt bị đơn ông Nguyễn Hận H.

Kết quả biểu quyết: 3/3

Về nội dung:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn

Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Lương Thị Ngọc N và ông Nguyễn Hận H.

Về con chung: Giao trẻ Nguyễn H Lâm, sinh ngày 29/5/2014 cho bà Lương Thị Ngọc N được trực tiếp nuôi dưỡng. Ông Nguyễn Hận H không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Bà Lương Thị Ngọc N có trách nhiệm tạo điều kiện thuận lợi khi ông Nguyễn Hận H đến thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung. Ông H có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở ông thực hiện quyền này. Vì quyền lợi của con khi cần thiết, theo yêu cầu của cha mẹ, cơ quan, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi mức cấp dưỡng

hoặc thay đổi người trực tiếp nuôi con, hạn chế quyền thăm nom, chăm sóc con của người không trực tiếp nuôi con.

Về tài sản chung: Tòa án không xem xét, giải quyết.

Về nợ chung: Bà N khai không có.

Kết quả biểu quyết: 3/3

## 2. Án phí:

Bà Lương Thị Ngọc N phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm ly hôn, được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng bà Lương Thị Ngọc N đã nộp theo biên lai số 0034713 ngày 16/12/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nhà Bè.

Kết quả biểu quyết: 3/3

## 3. Về quyền kháng cáo:

Bà Lương Thị Ngọc N có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Ông Nguyễn Hận H được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Kết quả biểu quyết: 3/3

Nghị án kết thúc lúc 10 giờ 30 phút cùng ngày

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ    THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Đoàn Thị Ngọc Diệp**